TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:549/2023/DS-PT
Ngày: 14/11/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 11 năm 2023 và ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 762/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn***: 1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967 (Có mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt).

3. Anh Phạm Chí T1, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt).

4. Anh Phạm Thanh L, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- ***Người kháng cáo:*** Bị đơn Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày: Do quen biết vào ngày 11/01/2022 gia đình ông T, bà H đến nhà mượn số tiền 700.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng và mở quán làm ăn, thỏa thuận trong thời hạn 02 năm kể từ ngày làm biên nhận sẽ hoàn trả lại số tiền, sau này không có tiền trả thì chị Á trả cho ngân hàng thêm 600.000.000đ nữa để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục sang tên chuyển quyền toàn bộ thửa đất gắn liền nhà hiện gia đình ông T, bà H đang sinh sống cho chị Á, nếu trong thời hạn 02 năm có chuyển nhượng cho người khác phần đất này thì trước khi chuyển nhượng phải trả số tiền 700.000.000đ cho chị Á, biên nhận có ông T, bà H, anh T1, anh L ký tên vào biên nhận, ngoài ra có ông Nguyễn Văn N ký tên làm chứng, sau đó ông T, bà H sang bán một phần đất trong thửa đất nêu trên cho người khác nhưng không trả số tiền nợ 700.000.000đ cho chị Á.

Nay chị Nguyễn Thị Ngọc Á yêu cầu ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L trả số tiền 700.000.000đ và lãi suất theo quy định 1%/ tháng tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử (tròn 2 tháng 15 ngày).

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Gia đình ông T thống nhất có làm biên nhận vay số tiền 700.000.000đ như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc Á, thỏa thuận miệng lãi suất 40.000.000đ mỗi tháng, đến tháng 4 năm 2023 do làm ăn thua lỗ nên ngưng đăng lãi, khi gia đình tôi bán một phần đất trong thửa đất thỏa thuận trong biên nhận với chị Á, gia đình ông T có trả cho chị Á 100.000.000đ, còn nợ lại số tiền 600.000.000đ, do khi trả không làm giấy tờ gì nên không có chứng cứ đã trả được 100.000.000đ này.

Nay ông Phạm Văn T đồng ý trả số tiền 700.000.000đ đã vay và đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Á nhưng vì hoàn cảnh khó khăn xin thời gian bán đất để trả.

Bị đơn bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L trình bày: Gia đình **c**húng tôi thống nhất có làm biên nhận vay số tiền 700.000.000đ như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc Á, thỏa thuận miệng lãi suất 40.000.000đ mỗi tháng, đến tháng 4 năm 2023 do làm ăn thua lỗ nên ngưng đăng lãi, khi gia

đình chúng tôi bán một phần đất trong thửa đất thỏa thuận theo biên nhận với chị Á, có trả được cho chị Á 100.000.000đ, khi trả không làm biên nhận gì, nên còn nợ lại số tiền 600.000.000đ, đồng ý trả số tiền 600.000.000đ và lãi suất theo yêu cầu của chị Á nhưng vì hoàn cảnh khó khăn xin chờ bán đất sẽ trả vào tháng 9 năm 2023.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

Buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) lãi suất, tổng cộng 717.500.000đ (bảy trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/7/2023 bị đơn Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L có đơn kháng cáo với nội dung: Xác định chúng tôi chỉ nợ chị Nguyễn Thị Ngọc Á số tiền 600.000.000 đồng. Do anh C (chồng chị Á) đã nhận của chúng tôi số tiền 100.000.000 đồng trong tổng số tiền vay 700.000.000 đồng.

Chúng tôi đồng ý trả chị Nguyễn Thị Ngọc Á số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L: Tại tòa sơ thẩm bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn 700.000.000 đồng, sau đó bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả cho nguyên đơn được số tiền vốn là 100.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng số tiền 100.000.000 đồng này là trả cho khoản tiền vay khác. Bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền 100.000.000 đồng này là trả trong khoản vay 700.000.000 đồng nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L trong thời hạn quy định nên được chấp nhận.

Các đương sự Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á kiện yêu cầu ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, Phạm Thanh L trả số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng, từ ngày 20/4/2023 (ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng cứ là giấy thỏa thuận và cam kết ngày 11/1/2022, có bên cho mượn tiền là Nguyễn Thị Ngọc Á ký tên, bên cho mượn tiền là Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh L ký tên. Nội dung biên nhận là chị Á cho ông T, bà H, anh T1 và anh L mượn số tiền là 700.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hạn mượn là hai năm. Điều kiện là trong thời hạn vay tiền nếu bên bị đơn chuyển dịch tài sản

là nhà và đất là thửa số 201, tờ 16, diện tích 1352,2m^2 tọa lạc tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn, khi vay thì nhà đất này đang thế chấp vay tại ngân hàng, nếu hết hạn vay mà bị đơn không trả tiền ngân hàng thì nguyên đơn sẽ trả tiền cho ngân hàng và bị đơn phải chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho nguyên đơn. Trong quá trình vay, bị đơn chuyển dịch tài sản nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn và tiền lãi như đã nêu trên.

Trong quá trình giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn trình bày có trả tiền vốn cho chị Á được 100.000.000 đồng và tiền lãi 40.000.000 đồng một tháng đến tháng 4 năm 2023 thì ngưng. Phía chị Á thừa nhận bị đơn có trả 100.000.000 đồng nhưng là trả cho món nợ khác nhưng phía bị đơn không thừa nhận. Đối với số tiền lãi bị đơn đã trả cho chị Á thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ.

Tòa sơ thẩm buộc bị đơn trả cho chị Á số tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 17.500.000 đồng. Bị đơn không đồng ý nên có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại vì bị đơn đã trả tiền vốn cho chị Á được 100.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả tiền vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bị đơn không đồng ý có đơn kháng cáo yêu cầu trừ 100.000.000 đồng vào số tiền 700.000.000 đồng và tính lại lãi theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đối với số tiền lãi ông T trình bày đã gửi cho mẹ chị Á và chồng chị Á khoảng 600.000.000 đồng để trả cho cho chị Á nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh và phía chị Á cũng không thừa nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa mẹ và chồng chị Á vào tham gia tố tụng và cũng không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của ông T.

Đối với số tiền vốn 100.000.000 đồng chị Á không thừa nhận là bị đơn trả cho số tiền này theo biên nhận mượn tiền ngày 11/1/2022 nhưng chị Á cũng không có chứng cứ gì để chứng minh bị đơn trả cho phần nợ khác, ngoài ra phía bị đơn cũng không thừa nhận nên không có căn cứ xác định số tiền 100.000.000 đồng bị đơn đã trả cho chị Á không phải là trả cho số tiền 700.000.000 đồng nên lời trình bày của chị Á là không có căn cứ để chấp nhận, lời trình bày của bị đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Nhận thấy, số tiền 100.000.000 đồng bị đơn đã trả cho chị Á nhưng chị Á không chứng minh được số tiền này là món nợ khác của bị đơn nhưng Tòa sơ thẩm không trừ vào số nợ 700.000.000 đồng cho bị đơn là không có căn cứ.

[3]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự Phạm Văn T, Lê Thị H, Phạm Chí T1, Phạm Thanh

L: Sửa một phần án sơ thẩm, buộc bị đơn trả cho chị Á số tiền vốn là 600.000.000 đồng.

Lãi suất tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/7/2023 làm tròn là 02 tháng 15 ngày được tính như sau:

600.000.000đồng x 1%/tháng x 2 tháng 15 ngày = 15.000.000 đồng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Về án phí: Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.600.000 đồng. Bà Á phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2023/DS-ST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

- Buộc ông Phãm Văn T2, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á số tiền vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 615.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L phải chịu 28.600.000 đồng được trừ vào 300.000

đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0017834 ngày 21/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, anh Phạm Chí T1, anh Phạm Thanh L phải chịu 28.300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017496 ngày 20/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên chị Á được hoàn lại 11.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan